

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2024/HS-ST
Ngày: 22-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Quân;

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Quang T, sinh năm 1983 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); có vợ là Vũ Thanh T1 và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2016/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Quang T 05 (năm) tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 101/QĐ-XPHC ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Công an huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Quang T 7.500.000 đồng về hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức cá cược đá gà thắng thua bằng tiền; bị bắt tạm giam ngày 05 tháng 8 năm 2024, có mặt.

Bị hại: Ông Trần Văn L1, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 16 giờ ngày 23 tháng 01 năm 2015, ông Trần Văn L1 và một số đối tượng khác (không rõ họ tên, địa chỉ) tham gia đánh bạc dưới hình thức đá gà thắng thua bằng tiền. Ông L1 nghi ngờ T2 gian lận làm ông L1 thua 2.000.000 đồng nên ông L1 không đưa tiền cho T2. T2 điện thoại kể lại sự việc cho Trần Quang T (do T2 là người làm thuê cho bị cáo), nói T đến địa điểm T2 đang tham gia đá gà. T2 biết T là người địa phương nên nhờ T tìm nhà ông L1 ở đâu chỉ cho T2 đến đòi tiền, T đồng ý. Khi đến nơi, T gặp và hỏi ông L1 “*tiền bạc giờ sao?*”. Ông L1 trả lời “*Thì từ từ trả*”, sau đó ông L1 bỏ về. T điều khiển xe mô tô đi theo đến nhà ông L1. Đến nơi, T đứng ngoài đường, ông L1 đi vào nhà đứng ở cửa, trên tay có cầm 01 con dao. Thấy vậy, T bực tức nghĩ ông L1 đòi chém mình nên T về nhà lấy 01 con dao tự chế có kích thước dài khoảng 80cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại sắc nhọn một bên chạy đến nhà ông L1. Khi đi đến đoạn Ngã tư Bản Trắng, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, T gặp ông L1 đang điều khiển xe đi trên đường một mình nên T đuổi theo. Ông L1 bỏ chạy một đoạn thì T đuổi kịp, sau đó T và ông L1 dừng xe lại trên đường. T không nói gì và dùng phần sống dao chém vào phần lưng của ông L1 khoảng 03-04 nhát và dùng chân đá vào mặt ông L1 khoảng 02-03 cái, đồng thời T yêu cầu ông L1 đưa tiền (T không nhớ nói gì). Lúc này, ông L1 nằm xuống đất, móc tiền trong bóp ra vứt trên đường và nói “*tiền nè lấy đi*”. T kiểm tra số tiền ông L1 đưa gồm 04 tờ polyme mệnh giá 500.000 đồng (tổng cộng là 2.000.000 đồng). Sau đó, T lấy và đem số tiền 2.000.000 đồng đưa cho T2. Sau khi xảy ra sự việc, ông L1 bỏ đi, ở đâu làm gì không rõ nên cơ quan điều tra tạm dừng tin báo. Ngày 24 tháng 4 năm 2024, cơ quan điều tra đã làm việc được với L1 nên phục hồi giải quyết tin báo, sau đó khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố; bị hại L1 không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Biên bản thu giữ vật chứng ngày 23 tháng 01 năm 2015 của Công an xã L, huyện B đã thu giữ của bị cáo 01 dao dài khoảng 80cm, lưỡi bằng kim loại màu xám đen kích thước khoảng 10 x 50cm, cán bằng gỗ dài khoảng 30cm (bút lục số 13).

Tại Biên bản tạm giữ tài sản, tang vật, phương tiện ngày 23 tháng 01 năm 2015 của Công an xã L, huyện B đã thu giữ của bị cáo 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter V màu xanh – bạc biển kiểm soát 61T8-9584 (bút lục số 14). Tại Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 10 tháng 5 năm 2015, Công an huyện B đã trả lại cho

bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân số 280812140 và 01 xe mô tô biển số 61T8-9584 cho bị cáo L1 (bút lục số 22).

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 561/2024/KLGĐ-TTPY ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh B kết luận đối với Trần Văn L1 (bút lục số 72 đến 74):

- Các kết quả chính: vết sây sát da, sung bầm vùng mặt, sây sát da vùng cánh tay phải, đã lành; 02 vết sây sát da vùng lưng trái, đã lành, còn rối loạn sắc tố da.

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Văn L1 tại thời điểm giám định là **00%**, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Tại Công văn số 158/CV-TTPY ngày 28 tháng 10 năm 2024 V/v xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh B:

- Theo Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 03 tháng 02 năm 2015, ông L1 bị các thương tích: 02 vết thương vùng lưng trái kích thước 20 x 1,5 x 0,5cm và 18 x 1,5 x 0,5cm, có rướm máu đỏ tươi. Vết thương bầm tím gò má trái, đỏ mắt. Vết thương bầm tím bắp tay cánh tay phải.

- Sau khi bị thương tích, ông L1 không đi khám điều trị ở cơ sở y tế nào, nên không xác định được có ảnh hưởng thị lực mắt trái hay không. Thông thường, các vết sẹo gây sây sát, sung bầm da, khi lành sẽ không để lại sẹo hay di chứng gì. Do đó, tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích của ông L1 tại thời điểm xảy ra vụ việc khả năng là 00%.

Đối với 01 dao dài khoảng 80cm, lưỡi bằng kim loại màu xám đen kích thước khoảng 10x50cm, cán bằng gỗ dài khoảng 30cm (đã qua sử dụng), là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô biển số 61T8-9584 là công cụ, phương tiện phạm tội, do bị cáo mượn của một người cạo mủ thuê cho gia đình bị cáo, sau đó người này đã nghỉ việc và bỏ đi nơi khác sinh sống; hiện tại bị cáo không nhớ rõ thông tin lai lịch của người này do thời gian đã lâu và người này chỉ làm trong thời gian ngắn (bút lục số 92a), vì vậy cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, vấn đề dân sự: theo Giấy nhận tiền bồi thường ngày 19 tháng 11 năm 2024, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại Lừa số tiền 2.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Lừa không có ý kiến gì về vấn đề bồi thường thiệt hại và yêu cầu Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với hành vi đánh bạc bị hại L1 khai chơi với T2, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của T2, đồng thời vụ việc đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo và bị hại không có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 110/CT-VKS ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 do hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra ngày 23 tháng 01 năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về mức hình phạt: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong.

- Về xử lý vật chứng: 01 dao dài khoảng 80cm, lưỡi bằng kim loại màu xám đen kích thước khoảng 10x50cm, cán bằng gỗ dài khoảng 30cm (đã qua sử dụng), là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại L1 trình bày: hiện nay sức khỏe của bị hại Lừa hoàn toàn bình thường. Bị hại L1 đã được bồi thường thiệt hại và không có ý kiến, yêu cầu gì khác. Bị hại L1 xin giảm nhẹ hơn hình phạt cho bị cáo

Bị cáo nói lời sau cùng: mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã biết lỗi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Quá trình tố tụng, bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định tố tụng đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[1.2] Riêng D bản và Chỉ bản của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện B thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của D bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ C quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự nên cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án khác sau này.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận: khoảng chiều ngày 23 tháng 01 năm 2015, tại ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có

hành vi dùng vũ lực (dùng sòng dao tự chế chém vào phần lưng và dùng chân đá vào mặt của bị hại L1) làm cho bị hại L1 lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội Cướp tài sản. Xét thấy: hành vi phạm tội của bị cáo T xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018, bị khởi tố, điều tra, truy tố và đến nay mới xét xử. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, qua so sánh, làm rõ các điều khoản tương ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, các quy định này đều có khung hình phạt bằng nhau nên Hội đồng xét xử vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 để giải quyết theo quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13. Do bị cáo sử dụng phương tiện (dao) khi phạm tội, vì vậy, tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết.

[4] Vì giúp người làm thuê của mình đòi tiền bị hại L1 mà bị cáo đã thực hiện hành vi dùng vũ lực để cướp 2.000.000 đồng của bị hại L1. Hành vi phạm tội của bị cáo là liêu lĩnh, xét về yếu tố lỗi, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị cáo thực hiện năm 2014 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2016/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng (hành vi phạm tội trước và xét xử trước), bị cáo đã chấp hành xong; còn hành vi cướp tài sản trong vụ án này bị cáo thực hiện sau là ngày 23 tháng 01 năm 2015, thời điểm này hành vi hành vi mua bán trái phép chất ma túy chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo Điều 13 của Bộ luật Tổ tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét đây là tiền án của bị cáo.

Đối với hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức cá cược đá gà thắng thua bằng tiền mà T thực hiện năm 2020 theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 101/QĐ-XPHC ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Công an huyện B (hành vi vi phạm sau và xử lý sau), bị cáo đã nộp phạt xong, đến nay đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; còn hành vi cướp tài sản trong vụ án này bị cáo thực hiện trước nhưng đến nay mới xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đây là tiền sự của bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án: bị hại L1 đã được bồi thường thiệt hại và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 dao dài khoảng 80cm, lưỡi bằng kim loại màu xám đen kích thước khoảng 10x50cm, cán bằng gỗ dài khoảng 30cm (đã qua sử dụng) là công cụ, phương tiện phạm tội.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 133, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Quang T 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 8 năm 2024.

[2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án: đã giải quyết xong.

[3] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 dao dài khoảng 80cm, lưỡi bằng kim loại màu xám đen kích thước khoảng 10x50cm, cán bằng gỗ dài khoảng 30cm (đã qua sử dụng). *(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng ngày 30 tháng 10 năm 2024).*

[4] Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo; bị hại;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyên